

Số: /2024/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức thu, tỷ lệ thu và thời gian thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) xác định số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và thời gian thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (gọi chung là người sử dụng đất) từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

Đối với các trường hợp thu hồi đất trồng lúa nước giao Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao cho các chủ đầu tư thực hiện dự án thì Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và thu lại số tiền này khi bàn giao đất cho các chủ đầu tư theo quy định.

Đối với trường hợp thu hồi đất trồng lúa nước giao Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất cấp huyện thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao cho các chủ đầu tư thực hiện dự án thì Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất cấp huyện có trách nhiệm nộp tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và thu lại số tiền này khi bàn giao đất cho các chủ đầu tư theo quy định.

Điều 3. Mức thu, thời gian nộp nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

1. Mức thu:

| | | | | | | |
|--|---|--|---|---|---|-----|
| Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa | = | Diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp | x | Giá của loại đất trồng lúa (tính theo Bảng giá đất quy định của UBND Tỉnh tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất) | x | 50% |
|--|---|--|---|---|---|-----|

2. Thời hạn nộp:

Thời hạn nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo khoản tiền phải nộp của Sở Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp), phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, thành phố (đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp).

Điều 4. Sử dụng nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, cấp huyện sử dụng kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi

nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp để thực hiện bảo vệ đất trồng lúa theo các nội dung chi tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổng hợp phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại cho cả thời kỳ và từng năm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố lập báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt.

b) Tổng hợp dự toán và phân khai kinh phí từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đổi đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa đối với trường hợp chuyển mục đích đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện dự án đầu tư.

3. Sở Tài chính

a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn để xác định nguồn kinh phí phải nộp của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan có liên quan xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo các nội dung chi tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính.

b) Tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp quá thời hạn nộp theo công văn của cơ quan tài chính địa phương, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

b) Tổ chức công bố công khai và quản lý chặt chẽ đất trồng lúa nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện tốt Quyết định này.

đ) Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế phối hợp phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan lập phương án cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại cho cả thời kỳ và từng năm; tham mưu phương án cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

5. Các nội dung khác có liên quan thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 6. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024; thay thế Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mức thu và sử dụng nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

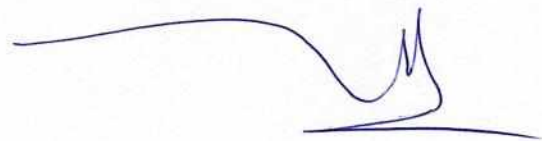
Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Đồng Tháp;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu: VT, KT(NTT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Phước Thiện